

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói mua sắm: Mua 05 danh mục vắc xin cho hoạt động tiêm chủng dịch vụ năm 2026

Phê duyệt kèm theo Quyết định số 305/QĐ-VSDTTU ngày 28 tháng 5 năm 2026

Chủ đầu tư: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

1. Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-VSDTTU ngày 05/03/2025 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ban hành Quy chế mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương theo quy định tại Khoản 2, Điều 55 của Đấu thầu năm 2023 và Luật số 57 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-VSDTTU ngày 28/5/2026 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương Về việc Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào giá Gói mua sắm “Mua vắc xin cho hoạt động tiêm chủng dịch vụ năm 2026”;

2. Phạm vi công việc:

Cung cấp 05 danh mục vắc xin cho hoạt động tiêm chủng dịch vụ. Nội dung chi tiết về số lượng, chất lượng hàng hóa được quy định tại Phần 1 - Phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp.

3. Yêu cầu về chất lượng, nguồn gốc:

a) Tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ: chi tiết tại Phần 1 - Phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp đính kèm.

b) Hạn dùng: Hạn sử dụng còn lại của vắc xin tính đến thời điểm vắc xin cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với vắc xin có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với vắc xin có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp cần vắc xin để bảo đảm có vắc xin phục vụ nhu cầu phòng bệnh, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương có thể quyết định hạn sử dụng còn lại của vắc xin tính đến thời điểm vắc xin cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng vắc xin.

c) Về bao bì đóng gói và nhãn sản phẩm: vắc xin phải được đóng gói đúng quy định chuyên ngành, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

d) Yêu cầu về điều kiện bảo quản và vận chuyển:

Quy trình vận chuyển vắc xin theo quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình vận chuyển.

- Phải đảm bảo điều kiện bảo quản và chất lượng hàng hoá trong toàn bộ quá trình vận chuyển từ kho của nhà cung cấp cho tới khi hàng được giao tại kho bảo quản vắc xin của Viện trong giới hạn nhiệt độ từ +2°C đến +8°C theo đúng yêu cầu của dây chuyền lạnh trong bảo quản vắc xin và sinh phẩm y tế theo quy định hiện hành, phải có nhiệt kế/thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ (có chứng nhận/tem hiệu chuẩn) kèm theo khi giao hàng. Nếu nhiệt độ bảo quản của thuốc đã giao không nằm trong giới hạn quy định thì Viện có quyền trả

lại toàn bộ lô hàng đã nhận cho nhà cung cấp mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào.

- Địa điểm giao hàng: kho vắc xin, sinh phẩm của Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương - Số 1 phố Yec xanh, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Khi có yêu cầu, nhà cung cấp có trách nhiệm cung cấp cho Viện bằng xác nhận theo dõi nhiệt độ của hàng hóa đã giao trong khoảng thời gian từ lúc đóng hàng tại kho của nhà cung cấp đến khi giao hàng tại kho bảo quản của Viện. Nếu nhiệt độ của hàng đã giao không nằm trong giới hạn qui định thì Viện có quyền trả lại toàn bộ lô hàng cho nhà cung cấp mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào.

đ) Kiểm tra và thử nghiệm

- Trước khi giao hàng: Nhà cung cấp phải có Giấy chứng nhận xuất xưởng vắc xin, sinh phẩm do Viện Kiểm định Quốc Gia vắc xin và sinh phẩm Y tế ban hành cho mỗi lô hàng.

- Khi nhận hàng: Kiểm tra cảm quan 100% hàng hóa không có niêm phong của nhà sản xuất, kiểm tra xác suất 5% hàng hóa có niêm phong của nhà sản xuất. Hàng hóa được kiểm tra cảm quan tại Kho bảo quản vắc xin, sinh phẩm của Trung tâm dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

- Sau khi nhận hàng: sau khi giao nhận hàng hóa, nếu có vấn đề về chất lượng, Viện có trách nhiệm thông báo cho nhà cung cấp để giải quyết.

Các điều kiện và yêu cầu khác được quy định cụ thể trong Điều kiện cụ thể của hợp đồng kèm theo Hồ sơ yêu cầu chào giá (HSYCCG).

4. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp:

Nhà cung cấp là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Hạch toán tài chính độc lập;

b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Bảo đảm cạnh tranh lành mạnh theo quy định pháp luật.

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

g) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất vắc xin hoặc bán buôn vắc xin;

5. Tính hợp lệ của vắc xin tham gia chào giá:

Vắc xin chào giá được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể:

- a) Vắc xin được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam.
- b) Trường hợp vắc xin có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì thực hiện như sau:
 - Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của vắc xin chào giá: Nhà cung cấp liệt kê thông tin tên mặt hàng vắc xin tham chào giá, cơ sở tham gia sản xuất; số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu do Cục Quản lý Dược cấp và các thông tin khác có liên quan; Nhà cung cấp ghi đầy đủ các thông tin theo quy định tại Bảng giá chào giá.
 - Các thông tin phải phù hợp với thông tin về vắc xin đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>); Đối với trường hợp mặt hàng vắc xin tham dự chào giá có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm kết thúc nhận HSYCCG, nhà cung cấp có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng vắc xin theo yêu cầu của HSYCCG và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong HSYCCG. Trong quá trình đánh giá HSDXCG nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho.
- c) Vắc xin tham dự chào giá không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại Luật Dược;

6. Yêu cầu của hồ sơ đề xuất chào giá (HSDXCG):

- a) Số lượng hồ sơ, quy cách hồ sơ: 01 bộ gốc + 01 bộ phô tô (có niêm phong) + 01 file mềm hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 1. Đơn chào giá
 2. Bảng tổng hợp chào giá hàng hoá, dịch vụ cần cung cấp
 3. Bảng đề xuất kỹ thuật
 4. Bảng giá dịch vụ liên quan (trường hợp có yêu cầu)
 5. Bảng đề xuất nhân sự, trang thiết bị (trường hợp có yêu cầu)
 6. Bảng cam kết/đề xuất tiến độ cung cấp
 7. Bản cam kết khác theo yêu cầu của HSYCCG

8. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

9. Hồ sơ năng lực: Bao gồm đăng ký kinh doanh; chứng nhận năng lực hoạt động; báo cáo tài chính đã được kiểm toán; năng lực con người; năng lực thiết bị, kho bãi; các hợp đồng có tính chất, quy mô tương tự (trường hợp có yêu cầu)

10. Tài liệu chứng minh chất lượng hàng hoá: tài liệu chứng minh cụ thể hàng hóa đáp ứng các yêu cầu tại hồ sơ yêu cầu chào giá

c) Giá chào: Giá chào là giá giao hàng tại kho vắc xin, sinh phẩm của Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương - Địa chỉ: số 1 Yec xanh, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói mua sắm theo yêu cầu quy định tại Phần 1 - Phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp.

7. Hiệu lực của hồ sơ đề xuất chào giá: Hồ sơ đề xuất chào giá có hiệu lực tối thiểu 150 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ.

8. Một số quy định chung nếu nhà cung cấp được lựa chọn ký kết hợp đồng:

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: Tiến độ giao hàng: Theo đúng thỏa thuận hợp đồng cho từng đơn hàng cụ thể.

8.2. Hình thức hợp đồng, thanh toán:

- Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.

Đơn giá trong hợp đồng sẽ không bị điều chỉnh bởi biến động giá cả trên thị trường hoặc thay đổi luật hoặc bất kỳ lý do nào khác;

- Giá trị khối lượng thanh/quyết toán: Là Giá trị khối lượng thực hiện thực tế được các bên nghiệm thu xác nhận.

- Thanh toán: Thanh toán sau khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán theo từng lần giao hàng (tùy theo thỏa thuận của từng hợp đồng cụ thể).

8.3. Các điều kiện và yêu cầu khác được quy định cụ thể trong Điều kiện cụ thể của hợp đồng kèm theo Hồ sơ yêu cầu chào giá.

9. Tiếp nhận và phản hồi thông tin:

- Trong trường hợp nhà cung cấp cần làm rõ các nội dung liên quan đến HSDXCG trên thì gửi phản hồi bằng văn bản cho Chủ đầu tư trước thời điểm 17h00' ngày 08/6/2026

- Quy cách hồ sơ: Hồ sơ được niêm phong kín, ghi rõ ghi tên và địa chỉ của nhà cung cấp, tên gói mua sắm tham gia.

- Thời gian nộp HSDXCG/văn bản đề nghị làm rõ: Quý Công ty nộp hồ sơ đề xuất chào giá hoặc văn bản đề nghị làm rõ theo thông tin sau:

+ Địa chỉ: phòng Kế hoạch - Hợp tác quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương - Số 1 Yecxanh, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

+ Thời hạn nộp HSDXCG: trước 16h00', ngày 10/6/2026

Người liên hệ: phòng Kế hoạch - Hợp tác quốc tế, Điện thoại: 024.39716353. Sau thời điểm trên Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương không tiếp nhận HSDXCG của nhà cung cấp theo bất cứ hình thức nào.

10. Thời gian và địa điểm mở Hồ sơ đề xuất chào giá:

Việc mở HSDXCG được tiến hành công khai tại địa chỉ: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương - Số 1 Yecxanh, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội lúc 16h30' ngày 10/6/2026 trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà cung cấp tham dự và đại diện của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. Việc mở HSDXCG không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự chào giá.

Tại buổi mở HSDXCG, Chủ đầu tư sẽ đọc công khai các thông tin sau: tên nhà cung cấp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, thời gian có hiệu lực của HSDXCG, thời gian thực hiện hợp đồng, và các thông tin khác mà chủ đầu tư thấy cần thiết.

11. Điều kiện xét duyệt lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị được lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất chào giá (HSDXCG) hợp lệ;
2. Có đủ tư cách hợp lệ để thực hiện gói mua sắm;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định về Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCG;
4. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

PHỤ LỤC 1 - PHẠM VI CUNG CẤP VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - hàm lượng	Dạng bào chế	GDKLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Số lượng (*)	Giá kế hoạch (VND)	Tiến độ cung cấp(**)
1	Menquadfi	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)*10mcg * được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uồn ván khoảng 55mcg	Dung dịch tiêm	001310047625	Hộp/liều	700	1.653.750	24h kể từ thời điểm đặt hàng *
2	Abrysvo	Một liều (0,5ml sau khi hoàn nguyên) chứa: Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A 0,06mg; Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B 0,06mg	Bột và dung môi pha dung dịch tiêm	540310322125	Hộp/liều	70	5.014.075	24h kể từ thời điểm đặt hàng *
3	Arexvy	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa 120mcg Kháng nguyên RSVPreF3 được bổ trợ với AS01 _E .RSVPreF3: Glycoprotein F của vi-rút hợp bào hô hấp (RSV) ổn định ở dạng tiền hợp nhất RSVPreF3. Hệ thống chất bổ trợ AS01 _E gồm chiết xuất từ cây Quillaja Saponaria Molina, phân đoạn 21 (QS-21) 25mcg và 3-O-desacyl-4'-monophosphoryl lipid A (MPL) từ Salmonella Minnesota 25mcg.	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	540310322425	Hộp/liều	100	4.426.406	24h kể từ thời điểm đặt hàng *
4	Nimenrix	Sau khi hoàn nguyên, mỗi liều (0,5ml) chứa Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSW ~ 7,5mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	Bột và dung môi pha dung dịch tiêm	540310196925	Hộp/liều	500	1.416.450	24h kể từ thời điểm đặt hàng *

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - hàm lượng	Dạng bào chế	GDKLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Số lượng (*)	Giá kế hoạch (VND)	Tiến độ cung cấp(**)
5	ProQuad	Liều 0,5ml chứa: - Vi-rút sởi $\geq 3,00$ log TCID50; - Vi-rút quai bị $\geq 4,30$ log TCID50; - Vi-rút Rubella $\geq 3,00$ log TCID50; - Vi-rút thủy đậu $\geq 3,99$ log PFU	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	001310197825	Hộp/liều	500	1.828.313	24h kể từ thời điểm đặt hàng *

(*) Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng vắc xin không quá 30% số lượng yêu cầu trong HSYCCG. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết. Khối lượng vắc xin bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp.

(**) Các đơn đặt hàng sẽ được giao trong vòng 24 giờ kể từ khi đặt hàng. Riêng những đơn hàng đặt ngày thứ 6 hàng tuần sẽ được giao vào ngày thứ 2 tuần tiếp theo, đơn đặt hàng trước kỳ nghỉ lễ tết 1 ngày sẽ được giao vào ngày đầu tiên đi làm sau kỳ nghỉ.

PHỤ LỤC 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA VẮC XIN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	GDKLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Số lượng
1	Menquadfi	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)*10mcg * được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uồn ván khoảng 55mcg	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ × 1 liều 0,5ml	001310047625	Hộp/liều	700
2	Abrysvo	Một liều (0,5ml sau khi hoàn nguyên) chứa: Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A 0,06mg; Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B 0,06mg	Bột và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp gồm 01 lọ bột thuốc, 01 bơm tiêm đóng sẵn dung môi, 01 đầu nối lọ và 01 kim tiêm (01 liều); Hộp gồm 05 lọ bột thuốc, 05 bơm tiêm đóng sẵn dung môi, 05 đầu nối lọ và 05 kim tiêm (05 liều); Hộp gồm 10 lọ bột thuốc, 10 bơm tiêm đóng sẵn dung môi, 10 đầu nối lọ và 10 kim tiêm (10 liều)	540310322125	Hộp/liều	70
3	Arexvy	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa 120mcg Kháng nguyên RSVPreF3 được bổ trợ với AS01E .RSVPreF3: Glycoprotein F của vi-rút hợp bào hô hấp (RSV) ổn định ở dạng tiền hợp nhất RSVPreF3. Hệ thống chất bổ trợ AS01E gồm chiết xuất từ cây Quillaja Saponaria Molina, phân đoạn 21 (QS-21) 25mcg và 3-O-desacyl-4'-monophosphoryl lipid A (MPL) từ Salmonella Minnesota 25mcg.	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột chứa 120mcg kháng nguyên RSVPreF3 và 1 lọ chứa 0,5mL hỗn dịch chất bổ trợ AS01E	540310322425	Hộp/liều	100

4	Nimenrix	Sau khi hoàn nguyên, mỗi liều (0,5ml) chứa Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSW ~ 7,5mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	Bột và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp gồm 1 lọ bột, 1 bơm tiêm đóng sẵn chứa dung môi pha tiêm và 2 kim tiêm	540310196925	Hộp/liều	500
5	ProQuad	Liều 0,5ml chứa: - Vi-rút sởi $\geq 3,00$ log TCID50; - Vi-rút quai bị $\geq 4,30$ log TCID50; - Vi-rút Rubella $\geq 3,00$ log TCID50; - Vi-rút thủy đậu $\geq 3,99$ log PFU	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	Hộp 1 vi chứa 1 lọ đơn liều vắc xin đông khô (0,5ml); 1 bơm tiêm chứa sẵn dung môi (0,7ml) và 2 kim tiêm	001310197825	Hộp/liều	500

- Chất lượng vắc xin: có giấy chứng nhận xuất xưởng vắc xin, sinh phẩm do Viện Kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế cấp cho mỗi lô hàng.
- Yêu cầu về đóng gói: Hàng hóa được đóng gói đúng quy định chuyên ngành, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 3. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP

Năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp được đánh giá theo các nội dung sau:

Stt	Mô tả	Yêu cầu	Tài liệu chứng minh
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng:	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm kết thúc nhận HSYCCG, nhà cung cấp không có hợp đồng cung cấp hàng hoá, dịch vụ không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp	Nhà cung cấp có văn bản cam kết gửi kèm
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế:	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm kết thúc nhận HSYCCG	Có tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định
3	Kết quả hoạt động tài chính:	Giá trị tài sản ròng trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm kết thúc nhận HSYCCG phải dương (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Báo cáo tài chính năm 2025 gửi kèm
4	Doanh thu bình quân hàng năm	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của năm 2025 của nhà cung cấp có giá trị tối thiểu bằng 200% Tổng giá trị phần của gói mua sắm nhà cung cấp tham gia chào giá	Báo cáo tài chính năm 2025 gửi kèm
5	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự:	Nhà cung cấp đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian 3 năm thời điểm đề xuất chào giá. Trong đó hợp đồng tương tự là: <ul style="list-style-type: none">- Có tính chất tương tự: là hợp đồng cung cấp vắc xin- Đã hoàn thành có giá trị tối thiểu: ít nhất bằng tổng các hợp đồng cung cấp vắc xin tương tự tối thiểu bằng 50% giá trị các mặt hàng của các phần trong gói mua sắm mà nhà cung cấp tham dự chào giá trong gói mua sắm	Bản sao hợp đồng tương tự và Biên bản nghiệm thu/thanh lý hợp đồng/Hóa đơn để chứng minh

PHỤ LỤC 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CHÀO GIÁ

4.1. Nguyên tắc đánh giá: Đánh giá HSDXCG theo từng danh mục vắc xin, mỗi danh mục vắc xin là một phần của gói mua sắm. Nhà cung cấp được phép tham dự một hoặc nhiều phần của gói mua sắm.

4.1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

HSYCCG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các yêu cầu sau

STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1. Phạm vi cung cấp của gói mua sắm			
1.1	Khả năng cung cấp theo danh mục yêu cầu chi tiết tại Phụ lục 1 & Phụ lục 2	Cung cấp đúng danh mục và số lượng vắc xin và tiến độ theo yêu cầu (xét trên phần gói mua sắm NCC tham dự)	Không cung cấp đúng danh mục hoặc không đủ số lượng vắc xin hoặc không đáp ứng tiến độ theo yêu cầu (xét trên phần gói mua sắm NCC tham dự)
1.2	Hàng mới 100% được đóng gói và bảo quản theo tiêu chuẩn nhà sản xuất và quy cách chào giá	NCC có văn bản cam kết theo nội dung yêu cầu	NCC không có văn bản cam kết hoặc không cam kết đúng theo nội dung yêu cầu
2. Đánh giá về kỹ thuật			
2.1	Chấm điểm theo bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật*	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm của từng tiêu chí tại yêu cầu về chất lượng thuốc và về đóng gói, bảo quản, giao hàng không thấp hơn 60% điểm tối đa tiêu chí đó. - Tổng điểm của tất cả các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Có điểm đánh giá của một trong các tiêu chí yêu cầu về chất lượng thuốc hoặc về đóng gói, bảo quản, giao hàng thấp hơn 60% điểm tối đa tiêu chí đó - Hoặc tổng điểm của tất cả các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật thấp hơn 70% tổng số điểm
Kết luận		Đạt (Tất cả các nội dung đều đạt)	Không đạt (có 1 nội dung trong số các nội dung không đạt)

* Việc đánh giá về kỹ thuật áp dụng phương pháp chấm điểm để đánh giá với thang điểm tối đa là 100, cụ thể như sau:

a) *Chất lượng thuốc: 70% tổng số điểm (70 điểm).*

b) *Đóng gói, bảo quản, giao hàng: 30% tổng số điểm (30 điểm).*

c) *HSDXCG được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:*

- Điểm của từng tiêu chí tại yêu cầu về chất lượng thuốc và về đóng gói, bảo quản, giao hàng không thấp hơn 60% điểm tối đa tiêu chí đó.

- Tổng điểm của tất cả các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: tại Mẫu số 5 – Phụ lục 4 ban hành kèm Mẫu HSYCCG này.

4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:

Áp dụng phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào;

Bước 2. Xếp hạng nhà cung cấp: HSDXCG có giá chào thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp các HSDXCG có giá chào bằng nhau, nhà cung cấp có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp hạng nhất. Trường hợp các HSDXCG có điểm kỹ thuật bằng nhau Chủ đầu tư sẽ mời các nhà cung cấp chào lại giá và thời hạn thanh toán, nhà cung cấp có giá chào lại thấp hơn và thời hạn thanh toán ưu đãi hơn được xếp hạng nhất.

PHỤ LỤC 5. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: <i>Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương</i>
ĐKC 1.3	Nhà cung cấp: ___[ghi tên Nhà cung cấp trúng cung cấp].
ĐKC 1.9	Địa điểm Dự án/ Điểm giao hàng cuối cùng là: <i>Kho vắc xin, sinh phẩm của Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương - Số 1 Phố Yecxanh, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.</i>
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none">- Hồ sơ yêu cầu chào giá- Hồ sơ đề xuất chào giá- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.- Các tài liệu liên quan (nếu có)
ĐKC 4	Chủ đầu tư ___[có thể hoặc không thể] ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Nơi nhận: phòng Kế hoạch - Hợp tác quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương Địa chỉ: Số 1, Phố Yecxanh, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội Điện thoại: 024 39716353 Địa chỉ email: dauthau1@nihe.org.vn
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Nhà cung cấp cung nộp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Thư bảo lãnh phải bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu).</i> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2,5 % Giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: tối thiểu 07 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói cung cấp]: sau khi hoàn thành hợp đồng, bảo lãnh được hoàn trả theo quy định của ngân hàng phát hành.

<p>ĐKC 8.2</p>	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày</p> <p>- Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Mọi tranh chấp nếu không được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên thì phán quyết của Tòa kinh tế, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, là căn cứ cuối cùng. Mọi chi phí giải quyết tranh chấp do bên có lỗi chịu.</p>
<p>ĐKC 10</p>	<p>Nhà cung cấp phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển vắc xin: <i>Hóa đơn vắc xin và phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng.</i></p> <p>- Nhà cung cấp phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển vắc xin: Hóa đơn GTGT, tờ khai nhập khẩu (trong trường hợp vắc xin/sinh phẩm y tế hết hiệu lực giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu), biên bản giao nhận hàng hóa, Giấy chứng nhận xuất xưởng vắc xin, sinh phẩm do Viện Kiểm định Quốc Gia vắc xin và sinh phẩm Y tế ban hành cho mỗi lô hàng.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi vắc xin đến nơi, nếu không Nhà cung cấp sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.</p> <p>Nhà cung cấp cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký vắc xin đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>
<p>ĐKC 12</p>	<p>Loại hợp đồng: <i>theo đơn giá cố định</i></p>
<p>ĐKC 13.1</p>	<p>Giá hợp đồng: ____</p>
<p>ĐKC 14</p>	<p>Điều chỉnh thuế: <i>trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</i></p>
<p>ĐKC 15.1</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>+ Phương thức thanh toán: Chuyển khoản ngân hàng</p> <p>+ Tạm ứng: Không tạm ứng</p>

	+ Thanh toán: trong vòng 60 ngày kể từ khi nhà cung cấp cung cấp đủ các chứng từ theo yêu cầu.
ĐKC 19	Đóng gói vắc xin: Vắc xin được đóng gói đúng quy định chuyên ngành, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Nhà cung cấp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng, số lượng và các trách nhiệm khác có liên quan đến toàn bộ hàng hóa trong hợp đồng với Chủ đầu tư trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng cho Chủ đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.
ĐKC 21	<p>- Yêu cầu về vận chuyển vắc xin: quy trình vận chuyển vắc xin theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng vắc xin trong quá trình vận chuyển.</p> <p>+ Phải đảm bảo điều kiện bảo quản và chất lượng hàng hoá trong toàn bộ quá trình vận chuyển từ kho của bên bán cho tới khi hàng được giao tại kho bảo quản vắc xin của bên mua trong giới hạn nhiệt độ từ +2°C đến +8°C theo đúng yêu cầu của dây chuyền lạnh trong bảo quản vắc xin và sinh phẩm y tế theo quy định hiện hành, phải có nhiệt kế/thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ (có chứng nhận/tem hiệu chuẩn) kèm theo khi giao hàng. Nếu nhiệt độ bảo quản của vắc xin đã giao không nằm trong giới hạn quy định thì Viện có quyền trả lại toàn bộ lô hàng đã nhận cho đơn vị cung cấp mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào.</p> <p>- Địa điểm giao hàng: Kho vắc xin, sinh phẩm của Trung tâm Dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương - Số 1 Phố Yecxanh, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.</p> <p>- Khi có yêu cầu, bên bán có trách nhiệm cung cấp cho Viện bảng xác nhận theo dõi nhiệt độ của hàng hóa đã giao trong khoảng thời gian từ lúc đóng hàng tại kho của bên bán đến khi giao hàng tại kho bảo quản của Viện. Nếu nhiệt độ của hàng đã giao không nằm trong giới hạn qui định thì Viện có quyền trả lại toàn bộ lô hàng cho bên bán mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào.</p>
ĐKC 22.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm vắc xin:</p> <p>- Trước khi giao hàng: Bên bán phải có Giấy chứng nhận xuất xưởng vắc xin, sinh phẩm do Viện Kiểm định Quốc Gia vắc xin và sinh phẩm Y tế ban hành cho mỗi lô hàng.</p> <p>- Khi nhận hàng: Kiểm tra cảm quan 100% hàng hóa không có niêm phong của nhà sản xuất, kiểm tra xác suất 5% hàng hóa có niêm phong của nhà sản xuất. Hàng hóa được kiểm tra cảm quan tại Kho bảo quản vắc xin, sinh</p>

	<p>phẩm y tế của Trung tâm dịch vụ Y tế dự phòng - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.</p> <p>- Sau khi nhận hàng: sau khi giao nhận hàng hóa, nếu có vấn đề về chất lượng, Viện có trách nhiệm thông báo cho Nhà cung cấp để giải quyết.</p>
ĐKC 23	<p>Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là:</p> <p>Mức khấu trừ: 1%/tuần</p> <p>Mức khấu trừ tối đa: 8%</p>
ĐKC 24.1	<p>Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với vắc xin: ___[<i>nêu nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với vắc xin</i>].</p>
ĐKC 24.2	<p>Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng:</p> <p>- Chất lượng vắc xin: có giấy chứng nhận xuất xưởng vắc xin, sinh phẩm do Viện Kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế cấp</p> <p>- Hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của vắc xin tính đến thời điểm vắc xin cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với vắc xin có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với vắc xin có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp cần vắc xin để bảo đảm có vắc xin phục vụ nhu cầu phòng bệnh, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương có thể quyết định hạn sử dụng còn lại của vắc xin tính đến thời điểm vắc xin cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng vắc xin.</p> <p>- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin phát sinh trong quá trình sử dụng vắc xin:</p> <p>Chủ đầu tư thông báo cho Nhà cung cấp về các hư hỏng, khuyết tật, vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin phát sinh trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các hư hỏng, khuyết tật/biểu hiện kém chất lượng/xảy ra các phản ứng có hại.</p> <p>Nhà cung cấp phải tiến hành khắc phục vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.</p> <p>Nhà cung cấp phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin và bồi thường thiệt hại (nếu có).</p>

ĐKC 26.1 (d)	Các nội dung, khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: <i>Trường hợp vắng xin dự cung cấp có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp hoặc cung ứng vắng xin trúng cung cấp nhưng vắng xin thay thế chưa được chào trong HSĐXCG, Chủ đầu tư được xem xét để nhà cung cấp thay thế vắng xin theo quy định của pháp luật về mua sắm đấu thầu thuốc.</i>
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: ____ <i>[nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)].</i>
ĐKC 28.1(d)	Các hành vi khác: ____ <i>[nêu hành vi khác (nếu có)].</i>

PHỤ LỤC 4: CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN

Mẫu số 01. Đơn chào giá

Mẫu số 02. Bảng tổng hợp giá chào

Mẫu số 02 (a). Bảng giá chào của hàng hóa

Mẫu số 02 (b). Bảng giá chào cho các dịch vụ liên quan

Mẫu số 03. Hợp đồng tương tự do nhà cung cấp thực hiện

Mẫu số 04. Tình hình tài chính của nhà cung cấp

Mẫu số 05. Bảng tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật.

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn chào giá]*

Tên gói mua sắm: **Mua 05 danh mục vắc xin cho hoạt động tiêm chủng dịch vụ năm 2026**

Kính gửi: *Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá gói mua sắm ____*[ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____*[ghi tên nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện gói mua sắm ____*[ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu chào giá với tổng số tiền là ____*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với bảng tổng hợp giá chào kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____*[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Cung cấp hàng hóa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu chào giá.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói mua sắm này.
4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ đề xuất chào giá là trung thực.

Nếu Hồ sơ đề xuất chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định trong hồ sơ yêu cầu chào giá.

Hồ sơ đề xuất chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ .

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan (nếu có)	(I)
	Tổng cộng giá chào (<i>Kết chuyển sang đơn chào giá</i>)	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Mẫu số 02 (a)

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
STT	Danh mục hàng hóa	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá chào	Số lượng	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hóa thứ 1										M1
2	Hàng hóa thứ 2										M2
										
n	Hàng hóa thứ n										Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (<i>Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào</i>)											M=M1+ M2+...+ Mn

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9) Nhà cung cấp ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 1 - PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN; các cột (10), (11), (12) nhà cung cấp chào.

Đơn giá chào tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu trong HSYCCG, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 5(b). Khi tham gia chào giá, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm kết thúc nhận HSYCCG theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDXCG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mẫu số 02 (b)

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời chào giá	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá chào	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Chủ đầu tư ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Phần 1 - PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN.

Các cột (7) và cột (8) do nhà cung cấp chào.

HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____*[ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà cung cấp đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCG.		
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>	
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	

4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>
----------------------	--

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh.

Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.

Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà cung cấp đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán;
- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCG.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà cung cấp sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
I. Các tiêu chí đánh giá về chất lượng vắc xin		
1. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất trên dây chuyền sản xuất vắc xin⁽²⁾:	24	
1.1. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP:		
a) Tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		24
b) Tại nước còn lại không thuộc điểm a mục này		22
1.2. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/S-GMP		20
1.3. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP:		
a) Được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và vắc xin được gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam có cơ sở tham gia vào quá trình sản xuất vắc xin trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất vắc xin đặt gia công tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		24
b) Được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và vắc xin được gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam có cơ sở tham gia vào quá trình sản xuất vắc xin trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất vắc xin đặt gia công tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH.		22
c) Tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn WHO-GMP		21
1.4. Các trường hợp còn lại không thuộc mục 1.1, 1.2 và 1.3		19
2. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất⁽³⁾:	20	
2.1. Tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		20
2.2. Tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH		18
2.3. Tại Việt Nam và có cơ sở sản xuất vắc xin trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất vắc xin đặt gia công tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		20
2.4. Tại Việt Nam và có cơ sở sản xuất vắc xin trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất vắc xin đặt gia công tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH		18

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
2.5. Tại nước còn lại không thuộc không thuộc mục 2.1, 2.2, 2.3 và 2.4		15
3. Tình hình vi phạm chất lượng của mặt hàng vắc xin dự đề xuất chào giá⁽⁴⁾:	5	
3.1. Chưa phát hiện vi phạm về chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng đề xuất chào giá trở về trước		5
3.2. Có thông báo vi phạm về chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng đề xuất chào giá trở về trước		
a) Vi phạm chất lượng ở Mức độ 3		3
b) Vi phạm chất lượng ở Mức độ 2		0
4. Tình hình vi phạm chất lượng của cơ sở sản xuất mặt hàng vắc xin dự đề xuất chào giá⁽⁵⁾:	5	
4.1. Không có vắc xin vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng đề xuất chào giá trở về trước		5
4.2. Có 01 mặt hàng vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng đề xuất chào giá trở về trước		4
4.3. Có 02 mặt hàng vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng đề xuất chào giá trở về trước		3
4.4. Có từ 03 mặt hàng trở lên vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng đề xuất chào giá trở về trước		0
5. Hạn dùng (Tuổi thọ) của vắc xin⁽⁶⁾:	5	
5.1. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá có tuổi thọ từ 03 năm trở lên		5
5.2. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá có tuổi thọ từ 02 năm đến dưới 03 năm		4
5.3. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá có tuổi thọ dưới 02 năm		3
6. Tiêu chí đánh giá về nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá⁽⁷⁾:	3	
6.1. Nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất tại các nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		3
6.2. Nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất tại các nước khác không thuộc danh sách SRA hoặc EMA được cấp chứng nhận CEP		3

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
6.3. Các trường hợp khác		2
7. Tiêu chí đánh giá về tương đương sinh học của vắc xin, vắc xin thuộc danh mục sản phẩm quốc gia, vắc xin được giải thưởng “Ngôi sao vắc xin Việt” của Bộ Y tế⁽⁸⁾.	5	
7.1. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học hoặc vắc xin thuộc danh mục biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố		5
7.2. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá thuộc Danh mục sản phẩm quốc gia		5
7.3. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được giải thưởng “Ngôi sao vắc xin Việt” của Bộ Y tế		5
7.4. Các trường hợp khác		3
8. Mặt hàng vắc xin được sản xuất từ nguyên liệu kháng sinh sản xuất trong nước (Không đánh giá đối với thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền):	3	
8.1. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất từ nguồn nguyên liệu kháng sinh sản xuất trong nước		3
8.2. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất từ nguồn nguyên liệu không phải là kháng sinh sản xuất trong nước hoặc vắc xin dự đề xuất chào giá không phải thuốc kháng sinh		2
9. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá là thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (Không đánh giá đối với thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm):	3	
9.1. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất từ dược liệu có chứng nhận đạt GACP		3
9.2. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất trên cơ sở nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp Bộ và cấp tỉnh		3
9.3. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất từ dược liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng		2
9.4. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá được sản xuất từ dược liệu không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ rõ ràng		0
II. Các tiêu chí đánh giá về đóng gói, bảo quản, giao hàng	30	

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
10. Mặt hàng vắc xin được cung ứng bởi cơ sở:	5	
10.1. Là doanh nghiệp sản xuất mặt hàng vắc xin dự đề xuất chào giá		5
10.2. Là doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp mặt hàng vắc xin dự đề xuất chào giá ⁽⁹⁾		4
10.3. Không phải doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu trực tiếp mặt hàng vắc xin dự đề xuất chào giá		3
11. Mặt hàng vắc xin được cung ứng bởi Nhà cung cấp có kinh nghiệm cung ứng vắc xin ⁽¹⁰⁾	5	
11.1. Đã cung ứng vắc xin cho cơ sở y tế từ 03 năm trở lên		5
11.2. Đã cung ứng vắc xin cho cơ sở y tế dưới 03 năm		4
11.3. Chưa cung ứng vắc xin cho cơ sở y tế		3
12. Khả năng đáp ứng yêu cầu của Nhà cung cấp về điều kiện giao hàng ⁽¹¹⁾	5	
12.1. Đáp ứng được yêu cầu về điều kiện giao hàng tại hồ sơ mời đề xuất chào giá		5
12.2. Không đáp ứng được yêu cầu về điều kiện giao hàng tại hồ sơ mời đề xuất chào giá		0
13. Mặt hàng vắc xin được cung ứng bởi Nhà cung cấp có uy tín trong thực hiện hợp đồng ⁽¹²⁾	10	
13.1. Nhà cung cấp có vi phạm trong thực hiện hợp đồng cung ứng vắc xin cho các cơ sở y tế đã được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu đề xuất chào giá quốc gia		8
13.2. Nhà cung cấp đã cung ứng vắc xin tại đơn vị		
a) Cung ứng vắc xin bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		10
b) Cung ứng vắc xin không bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		8
13.3. Nhà cung cấp chưa cung ứng vắc xin tại đơn vị		8
14. Mặt hàng vắc xin tham dự đề xuất chào giá bởi nhà cung cấp có hệ thống phân phối, cung ứng rộng khắp tại các địa bàn miền núi, khó khăn ⁽¹³⁾:	5	
14.1. Nhà cung cấp có hệ thống phân phối, cung ứng rộng khắp trên địa bàn tỉnh (chỉ áp dụng đối với các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lào Cai, Bắc Ninh, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Đắk Lắk)		5

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
14.2. Các trường hợp khác		4

Ghi chú:

(1) Vắc xin đáp ứng nhiều mục trong một tiêu chí thì chỉ chấm điểm theo mục có mức điểm cao nhất mà vắc xin đạt được.

(2) Trường hợp vắc xin dự đề xuất chào giá có nhiều cơ sở cùng tham gia quá trình sản xuất vắc xin thì căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất có tiêu chuẩn thấp nhất để đánh giá điểm. Đối với vắc xin nước ngoài gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam thì căn cứ nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất vắc xin gia công, chuyển giao công nghệ.

(3) Căn cứ vào thông tin về các vắc xin được cấp phép lưu hành đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>) và thông tin trên các công văn, quyết định phê duyệt của Cục Quản lý Dược.

(4), (5) Căn cứ vào thông tin về các vắc xin và cơ sở sản xuất vắc xin có vi phạm chất lượng do Cục Quản lý Dược ra quyết định thu hồi, công văn thông báo thu hồi được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>). Mức độ vi phạm về chất lượng vắc xin được quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016.

(6) “Hạn dùng của vắc xin là thời gian sử dụng được ấn định cho một lô vắc xin mà sau thời hạn này vắc xin không được phép sử dụng” (theo quy định tại khoản 31 Điều 2 Luật dược ngày 06 tháng 4 năm 2016). Ví dụ: Vắc xin ghi trên nhãn có ngày sản xuất là ngày 11 tháng 02 năm 2006, ngày hết hạn là ngày 11 tháng 02 năm 2011 thì hạn sử dụng (hay tuổi thọ) của vắc xin là 05 năm.

(7) Căn cứ vào danh sách các vắc xin được sản xuất từ nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất.

(8) Căn cứ vào danh sách các vắc xin có chứng minh tương đương sinh học được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>).

(9) Căn cứ vào tờ khai hàng hóa nhập khẩu của mặt hàng dự đề xuất chào giá.

(10) Căn cứ vào thông báo trúng đề xuất chào giá, hợp đồng mua bán vắc xin, hóa đơn bán vắc xin cho các cơ sở y tế mà nhà cung cấp đang dự đề xuất chào giá hoặc cho các cơ sở y tế khác mà nhà cung cấp đã cung ứng trên toàn quốc.

(11) Nhà cung cấp cần nêu rõ trong hồ sơ đề xuất chào giá việc đáp ứng/không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư/cơ sở y tế về điều kiện giao hàng, số lượng vắc xin theo yêu cầu trong hồ sơ mời đề xuất chào giá (thực hiện theo hướng dẫn tại Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của vắc xin tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp).

(12) Việc đánh giá nội dung này phải căn cứ vào một trong các thông tin sau:

- Thông tin về việc vi phạm trong cung ứng vắc xin của các nhà cung cấp tại các cơ sở y tế trên toàn quốc được công bố trên Hệ thống mạng đấu đề xuất chào giá quốc gia

- Việc thực hiện hợp đồng cung ứng vắc xin giữa nhà cung cấp và đơn vị.

(13) Chỉ áp dụng cho các gói đề xuất chào giá của các cơ sở y tế thuộc địa bàn các tỉnh trong danh sách. Căn cứ vào thực trạng tình hình cung ứng vắc xin của từng địa phương, Sở Y tế xác định cụ thể tiêu chí các nhà cung cấp có hệ thống phân phối đáp ứng việc cung ứng vắc xin tại địa phương để chấm điểm (Tiêu chí này không được hiểu là chấm điểm cho các nhà cung cấp có hệ thống phân phối, cung ứng tại tất cả các tỉnh trong danh sách mà chấm điểm cho nhà cung cấp có hệ thống phân phối rộng khắp đảm bảo việc cung ứng vắc xin cho các cơ sở y tế tại địa bàn tỉnh tham dự đề xuất chào giá).